

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

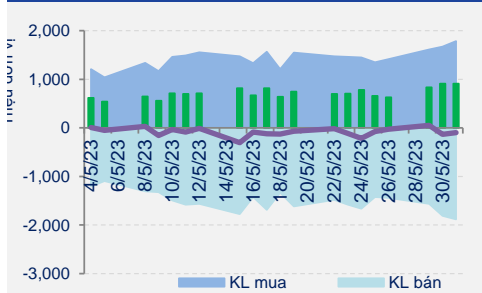
31/5/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

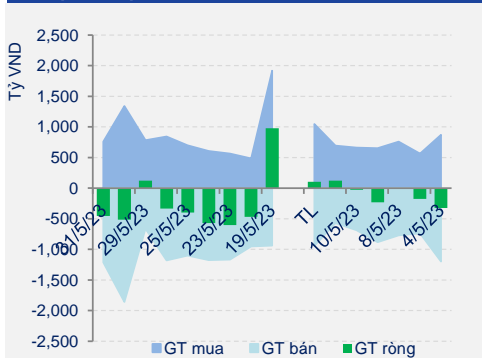
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,075.17	222.81
% Thay đổi	↓ -0.27%	↑ 0.67%
KLGD (CP)	911,471,553	135,885,505
GTGD (tỷ đồng)	15,813.32	1,973.42
Tổng cung (CP)	1,883,842,895	195,396,900
Tổng cầu (CP)	1,785,195,571	178,567,700

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	45,129,850	467,273
KL mua (CP)	25,866,600	977,700
GT mua (tỷ đồng)	760.04	28.69
GT bán (tỷ đồng)	1,212.57	7.47
GT ròng (tỷ đồng)	(452.52)	21.22

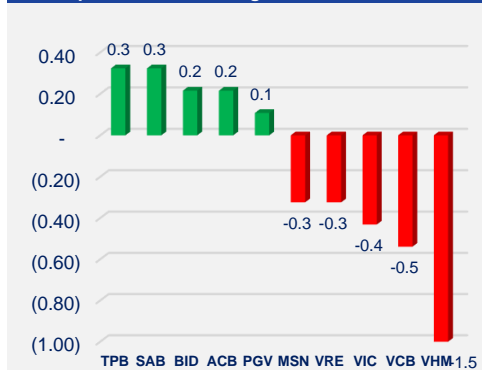
Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Trong phiên hôm nay VN-INDEX chịu áp lực điều chỉnh ở vùng kháng cự quanh 1.080 điểm, kiểm tra lại vùng 1.070 điểm và phục hồi trở lại, cuối phiên VN-INDEX giảm 2,88 điểm (-0,27%) về mức 1.075,17 điểm. Diễn biến khá tương tự tuần trước khi chịu áp lực bán ở vùng 1.075 về vùng 1.060 điểm và phục hồi. HNX-INDEX tích cực hơn khi tăng 1,48 điểm (+0,67%) lên mức 222,81 điểm. Độ rộng trên hai sàn niêm yết duy trì tích cực với tổng cộng 355 mã tăng điểm (52 mã tăng trần), 228 mã giảm giá (0 mã giảm sàn) và 104 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết đạt 17.782,64 tỷ đồng, giảm nhẹ so với phiên trước và duy trì vượt mức trung bình thể hiện dòng tiền vẫn luân chuyển và gia tăng qua nhiều nhóm mã. Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng với giá trị 443,61 tỷ đồng trên HOSE trong phiên quỹ ETF MSCI cơ cấu danh mục, mua ròng trên HNX với giá trị 21,22 tỷ đồng.

Thị trường vẫn giao dịch sôi động thanh khoản ở mức cao với nhiều mã, nhóm mã xoay vòng tăng điểm. Nổi bật trong phiên là nhóm mã điện, năng lượng tăng giá tốt như KHP (+6,92%), BCG (+6,21%), GEG (+4,24%), NED (+4,92%), PC1 (+2,73%), PGV (+2,27%)... Nhóm dệt may sau giai đoạn tích lũy nhiều mã cũng bật tăng giá mạnh với thanh khoản đột biến như GIL (+6,80%), VGT (+3,33%), G36 (+3,30%), TNG (+2,03%)...

Nhóm cổ phiếu chăn nuôi, thủy sản, nông sản cũng có diễn biến tích cực, thanh khoản gia tăng tốt với DBC (+5,26%), HAG (+2,38%) BAF (+1,69%)... CMX (+2,58%), ANV (+1,23%), IDI (+0,82%), AFX (+6,59%)..

Trong khi đó các cổ phiếu ngân hàng phân hóa đa số điều chỉnh gây áp lực lên chỉ số chung như HDB (-2,13%), TCB (-0,83%), MBB (-0,80%)... ngoài các mã đột biến khối lượng, tích cực như VAB (+6,49%), TPB (+3,73%), ACB (+0,79%).

Nhóm dịch vụ tài chính, chứng khoán cũng chịu áp lực điều chỉnh sau những phiên tăng mạnh, áp lực điều chỉnh tương đối bình thường với thanh khoản trên mức trung bình như SHS (-1,69%), VCI (-1,14%), AGR (-1,14%)... ngoài các mã tăng tốt như TVS (+4,62%), VDS (+2,12%)..

Các cổ phiếu bất động sản cũng có diễn biến tích cực, thanh khoản đang chủ yếu gia tăng đột biến ở nhóm mã thị giá thấp như LGL (+6,92%), DRH (+6,92%), QCG (+6,92%), TDH (+6,87%)... trong khi nhiều mã chịu áp lực bán ngắn hạn sau giai đoạn tăng giá mạnh như VHM (-2,55%) NHA (-2,33%), NTL (-0,85%)...

Các nhóm mã như xây dựng, khu công nghiệp, dầu khí...đa phần phân hóa, áp lực điều chỉnh tương đối bình thường sau giai đoạn phục hồi với thanh khoản duy trì ở mức trung bình.

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2306 giảm 5,6 điểm (-0,52%), mức chênh lệch tăng nhẹ lên -3,73 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch giảm nhẹ và đang có xu hướng tích lũy tương đồng với VN30. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2307, VN30F2309, VN30F2312 thu chênh lệch thu hẹp xuống -6,93 điểm đến -10,73 điểm, trong đó kỳ hạn VN30F2312 cao hơn kỳ hạn VN30F2309 cho thấy các trader không quá bi quan về xu hướng của VN30 và có kỳ vọng tăng trưởng.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Sau phiên bùng nổ đầu tuần khá mạnh thị trường đã tạo được đà để tiếp tục xu hướng tăng của sóng hồi. Kết hợp với việc VN-Index chạm ngưỡng cản MA200 (vùng 1.080 điểm) và hôm nay là phiên T+2 của phiên bùng nổ, diễn biến điều chỉnh nhẹ hôm nay là bình thường. Xét trên góc độ kỹ thuật, trạng thái thị trường vẫn đang duy trì tích cực với mục tiêu kỳ vọng của VN-Index là vùng 1.100 điểm - 1.150 điểm.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường điều chỉnh nhẹ hôm nay phù hợp với các quan điểm phân tích kỹ thuật và giúp củng cố sức mạnh để tiếp tục xu hướng tăng. VN-Index đóng cửa ở 1.075,17 điểm (-2,88 điểm, -0,27%) và vẫn nằm trong khu vực sóng hồi đồng thời tiệm cận đường MA200 với thanh khoản thị trường đang được duy trì ở mức tốt. Việc thị trường bùng nổ sau giai đoạn tích lũy ngắn 2 tuần qua đã được chúng tôi dự báo và liên tục đề cập trong các bản tin vừa qua và với diễn biến hiện tại chúng tôi vẫn duy trì nhận định tích cực đối với VN-Index trong thời gian tới.

Xét dưới góc nhìn ngắn hạn, VnIndex tiếp tục vận động trong sóng hồi khá mạnh trên nền tảng tích lũy chặt chẽ và đang hướng tới mục tiêu là vùng kháng cự quanh 1.100 điểm - 1.150 điểm là vùng đỉnh của các sóng trước. Trong trung- dài hạn, thị trường đang vận động trong nền tích lũy rộng trong vùng 1.000 điểm - 1.150 điểm. Nếu vượt qua ngưỡng cản quanh 1.150 điểm, chỉ số có thể hình thành uptrend mới (mặc dù hiện tại còn khá sớm để dự báo). Trong trường hợp kém khả quan (không hình thành uptrend) thì ngưỡng hỗ trợ của VnIndex sẽ quanh khu vực 1.000 điểm - 1.050 điểm.

Nhà đầu tư ngắn hạn có thể xem xét mua vào trong các phiên điều chỉnh đối với các cổ phiếu thu hút được dòng tiền và vận động tích cực. Nhà đầu tư trung và dài hạn sau khi đã cơ cấu được danh mục hợp lý như khuyến nghị có thể tận dụng các giai đoạn điều chỉnh để gia tăng tỷ trọng. Mục tiêu giải ngân nên lựa chọn các cổ phiếu đầu ngành có nền tảng cơ bản tốt, các cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng ổn định đang vận động trong trạng thái tích lũy.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 31/5/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu TTM	T.trường Lợi nhuận TTM	
KBC	28.05	25-26.5	31-32	25	10.7	221.4%	95.7%	Theo dõi chờ giải ngân
PVD	24.20	22.5-23.8	26.5-27.5	22	514.9	7.1%	217.2%	Theo dõi chờ giải ngân
GVR	18.20	16-17	20.5-21	15	22.0	-15.5%	-47.9%	Theo dõi chờ giải ngân
HAH	40.75	38-39	45-47	37	4.0	0.4%	-40.5%	Theo dõi chờ giải ngân
HCM	27.10	25-26.6	30-31	23	17.9	-41.0%	-56.2%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
9/3/23	CSV	31.80	27.4	34-36	30	16.06%	Nắm giữ
30/3/23	BVS	23.50	18	24-26	22	30.56%	Nắm giữ
31/3/23	PTB	46.40	40	50-52	44	16.00%	Nắm giữ
28/4/23	PVS	31.00	25.1	33-34	29	23.51%	Nắm giữ
5/5/23	ITC	13.25	9.08	13.5-14.2	11.8	45.93%	Nắm giữ
8/5/23	PVT	21.25	20.45	26-27	20	3.91%	Nắm giữ
9/5/23	VOS	11.50	11	14.5-15.5	10.8	4.55%	Nắm giữ
11/5/23	PVP	13.05	12.75	18-18.5	12.5	2.35%	Nắm giữ
19/5/23	DPR	56.20	54.8	65-67	54	2.55%	Nắm giữ



TIN DOANH NGHIỆP

Giảm 8 lần liên tiếp, giá thép về dưới 15 triệu đồng/tấn

Từ đầu năm đến nay, giá thép xây dựng trong nước ghi nhận 8 lần giảm liên tiếp, tùy thương hiệu mà tần suất điều chỉnh giá khác nhau. Giá thép đã xuống mức 14 triệu đồng/tấn. Giá thép xây dựng nội địa hiện thấp hơn khoảng 20% so với cùng kỳ năm ngoái. Theo Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA), giá thép xây dựng trong nước liên tục giảm trong thời gian gần đây là do nhu cầu tiêu thụ suy yếu và chi phí nguyên liệu đầu vào đã hạ nhiệt.

Lạm phát giá cả tăng cao kỷ lục trong 18 năm tại Anh

Lạm phát giá cả tại các cửa hàng ở Anh đã tăng từ mức 8,8% trong tháng 4 lên 9% trong tháng 5. Đây là mức tăng nhanh nhất kể từ khi Hiệp hội Bán lẻ Anh (BRC) bắt đầu thống kê dữ liệu này từ năm 2005, dù lạm phát giá thực phẩm đã giảm nhẹ từ mức kỷ lục 15,7% trong tháng 4 xuống còn 15,4% trong tháng 5.

Giá dầu quay đầu giảm sâu do các tín hiệu nhu cầu suy yếu trước thềm cuộc họp OPEC+

Hợp đồng tương lai WTI đã giao dịch dưới 70 USD/thùng, giảm 4,8% và hợp đồng tương lai dầu Brent giảm 4,2%, giao dịch ở mức 73 USD/thùng trong phiên giao dịch ngày thứ Ba (30/5). Dầu đã giảm 13% trong năm nay do sự phục hồi kinh tế mờ nhạt của Trung Quốc và chính sách tiền tệ thắt chặt hơn từ Cục Dự trữ Liên bang (Fed) đã đè nặng lên triển vọng nhu cầu.

Lãi suất tiền gửi tại 4 ngân hàng quốc doanh tiếp tục giảm sâu

Sáng ngày 31/05/2023, lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân tại 4 ngân hàng quốc doanh gồm Vietcombank, VietinBank, BIDV và Agribank ghi nhận giảm sâu. Các mức lãi suất kỳ hạn ngắn dưới 6 tháng tại các ngân hàng này đã bỏ xa trần huy động được phép là 5%/năm; trong khi các mức lãi suất kỳ hạn dài đều được điều chỉnh từ 7.2%/năm xuống chỉ còn 6.6-6.8%/năm.



TIN VĨ MÔ

Vietjet (VJC) thông qua phương án phát hành 2.000 tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp

Ngày 30/5/2023, Công ty cổ phần Hàng không Vietjet (mã chứng khoán VJC) thông tin, HĐQT Công ty đã có nghị quyết thông qua phương án phát hành 2.000 tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp. Mục đích phát hành là để bổ sung nguồn vốn hoạt động sản xuất - kinh doanh của công ty. Kỳ hạn trái phiếu là 60 tháng. Lãi suất 12%/năm cho hai kỳ tính lãi đầu tiên, các kỳ tính lãi còn lại sẽ tính lãi suất bằng tổng của biên độ tối đa 3,5%/năm và lãi suất tham chiếu.

HSG không còn được vay margin

Sở Giao dịch Chứng khoán TPHCM (HOSE) vừa bổ sung cổ phiếu HSG vào danh sách chứng khoán không đủ điều kiện giao dịch ký quỹ do lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ trên BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng niên độ tài chính 2022-2023 là con số âm.

NHNN chấp thuận cho Ngân hàng Bản Việt đổi tên từ Viet Capital Bank thành BVBank

Ngày 26/05/2023, Ngân hàng Nhà Nước (NHNN) đã ban hành quyết định chấp thuận sửa đổi tên viết tắt bằng tiếng Anh của Ngân hàng TMCP Bản Việt (UPCoM: BVB) từ Viet Capital Bank thành BVBank.

Cổ phiếu Thế giới Di động (MWG) giảm 50,5% từ đỉnh, quỹ ngoại vẫn bán thêm hơn 1,3 triệu cổ phiếu

Sau khi liên tục công bố kết quả kinh doanh kém khả quan, khối ngoại tiếp tục bán ra và giảm sở hữu tại CTCP Đầu tư Thế giới Di động (mã MWG - sàn HoSE). Cụ thể, ngày 24/5, nhóm quỹ liên quan Arisaig Partners (Asia) Pte Ltd vừa bán ra 1.338.300 cổ phiếu MWG để giảm sở hữu từ 8,08%, về còn 7,99% vốn điều lệ. Trước đó, ngày 11/4, quỹ Arisaig Asia Fund Limited vừa bán ra 2.397.200 cổ phiếu MWG để giảm sở hữu.

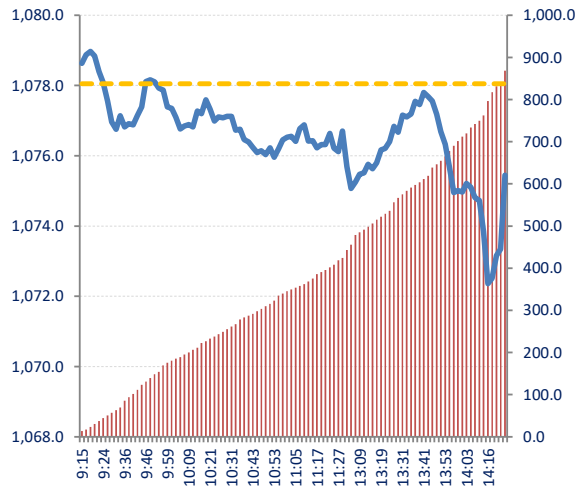
Vinaconex (VCG) chốt quyền chia cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10%

Tổng CTCP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex, mã VCG – sàn HOSE) dự kiến phát hành gần 48,59 triệu cổ phiếu để trả cổ tức theo tỷ lệ 10%, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu, tương ứng 1 quyền, cứ 100 quyền sẽ được nhận 10 cổ phiếu phát hành thêm. □

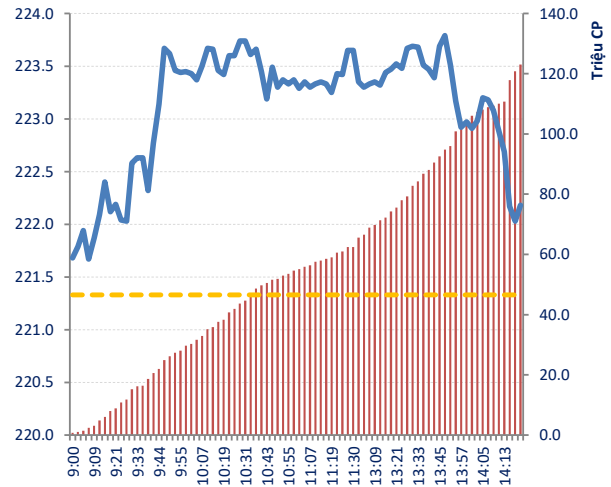


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

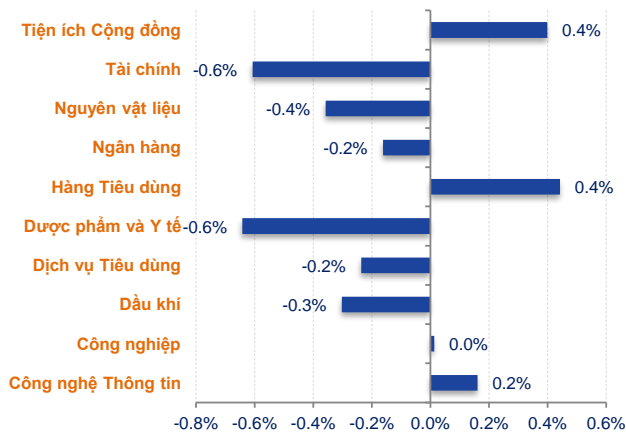
KLGD và VN-Index trong phiên



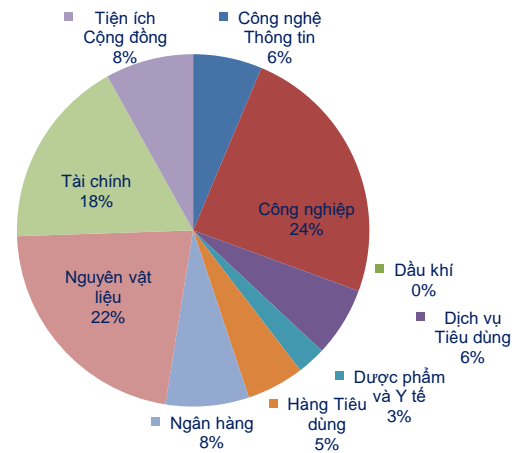
KLGD và HNX-Index trong phiên



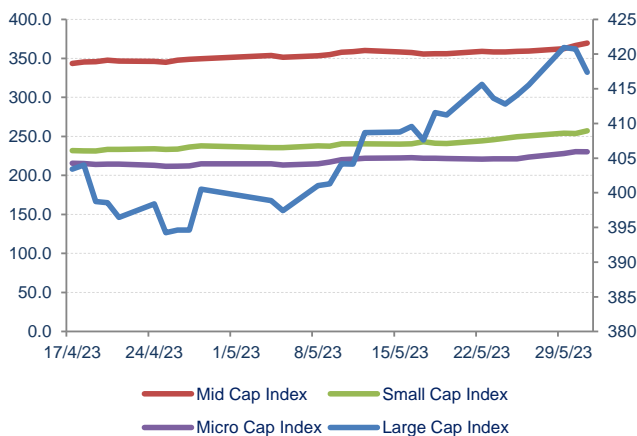
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



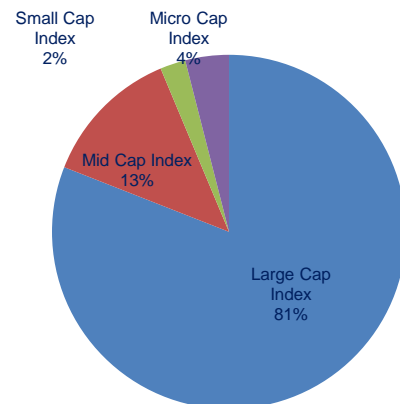
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	CTG	1,452,000	NVL	5,669,000	1	PVS	674,697	SD5	123,300
2	PVD	574,300	EIB	3,202,950	2	IDJ	50,000	BVS	40,300
3	FCN	512,700	HPG	2,262,200	3	PVI	28,300	SHS	32,000
4	HHV	418,600	STB	1,646,400	4	HVT	25,000	PTS	29,400
5	VPI	246,300	VRE	1,511,300	5	PVG	15,000	NDX	23,400

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VND	17.40	17.50	↑ 0.57%	38,028,200	SHS	11.80	11.60	↓ -1.69%	22,383,835
HSG	15.85	15.40	↓ -2.84%	36,246,900	PVS	30.60	31.00	↑ 1.31%	8,106,187
NVL	13.35	13.50	↑ 1.12%	32,021,600	CEO	27.20	27.00	↓ -0.74%	7,483,326
ACB	25.20	25.40	↑ 0.79%	31,762,600	HUT	18.20	18.50	↑ 1.65%	6,264,270
SHB	11.75	11.75	→ 0.00%	29,747,000	AMV	4.80	5.00	↑ 4.17%	5,450,714

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NHH	15.00	16.05	1.05	↑ 7.00%	CTC	2.00	2.20	0.20	↑ 10.00%
DAH	4.43	4.74	0.31	↑ 7.00%	FID	2.00	2.20	0.20	↑ 10.00%
EVG	6.58	7.04	0.46	↑ 6.99%	SDA	8.00	8.80	0.80	↑ 10.00%
PTC	6.60	7.06	0.46	↑ 6.97%	SPI	3.00	3.30	0.30	↑ 10.00%
DXS	7.35	7.86	0.51	↑ 6.94%	V12	12.00	13.20	1.20	↑ 10.00%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
L10	21.00	19.60	-1.40	↓ -6.67%	GLT	21.90	19.90	-2.00	↓ -9.13%
S4A	35.00	32.70	-2.30	↓ -6.57%	THS	11.10	10.10	-1.00	↓ -9.01%
PNC	10.70	10.00	-0.70	↓ -6.54%	TPH	14.70	13.50	-1.20	↓ -8.16%
LAF	11.85	11.10	-0.75	↓ -6.33%	VE1	4.40	4.10	-0.30	↓ -6.82%
CCI	25.50	24.05	-1.45	↓ -5.69%	NST	6.80	6.40	-0.40	↓ -5.88%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	38,028,200	4.1%	487	35.7	1.4
HSG	36,246,900	-9.7%	(1,761)	-	0.9
NVL	32,021,600	1.8%	414	32.2	0.6
ACB	31,762,600	25.4%	4,304	5.9	1.4
SHB	29,747,000	18.7%	2,610	4.5	0.8

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	22,383,835	2.1%	224	52.6	1.0
PVS	8,106,187	5.6%	1,498	20.4	1.1
CEO	7,483,326	7.5%	1,057	25.7	1.9
HUT	6,264,270	1.3%	146	124.7	1.6
AMV	5,450,714	2.7%	343	14.0	0.4

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
NHH	↑ 7.0%	8.9%	1,593	9.4	0.8
DAH	↑ 7.0%	3.0%	325	13.6	0.4
EVG	↑ 7.0%	0.9%	113	58.4	0.5
PTC	↑ 7.0%	-10.8%	(1,639)	-	0.4
DXS	↑ 6.9%	1.9%	345	21.3	0.4

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CTC	↑ 10.0%	-23.0%	(1,728)	-	0.3
FID	↑ 10.0%	0.0%	1	2,789.2	0.2
SDA	↑ 10.0%	0.3%	31	258.8	1.0
SPI	↑ 10.0%	-4.7%	(451)	-	0.3
V12	↑ 10.0%	6.5%	852	14.1	0.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	1,452,000	15.9%	3,548	7.9	1.2
PVD	574,300	0.2%	47	508.3	0.9
FCN	512,700	1.1%	249	61.4	0.7
HHV	418,600	3.4%	980	15.2	0.5
VPI	246,300	20.3%	3,093	17.4	3.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	674,697	5.6%	1,498	20.4	1.1
IDJ	50,000	8.0%	901	16.5	1.3
PVI	28,300	0.5%	170	289.1	1.4
HVT	25,000	42.9%	15,752	3.7	1.4
PVG	15,000	3.4%	465	19.4	0.7

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	447,223	23.2%	6,533	14.5	3.1
VHM	239,055	24.9%	8,269	6.6	1.5
BID	221,563	19.7%	3,972	11.0	2.0
VIC	199,850	5.1%	1,800	29.1	1.5
GAS	177,806	24.1%	7,689	12.1	2.8

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	14,626	5.6%	1,498	20.4	1.1
THD	13,965	4.0%	672	59.3	2.3
IDC	13,794	34.3%	6,675	6.3	2.2
KSF	11,550	4.9%	1,094	35.2	1.7
PVI	11,501	0.5%	170	289.1	1.4

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DRH	4.19	-0.4%	(48)	-	0.5
IBC	2.98	-5.6%	(1,044)	-	0.1
DPG	2.76	15.4%	5,264	6.3	0.9
HHV	2.73	3.4%	980	15.2	0.5
VIX	2.72	0.7%	81	116.9	0.8

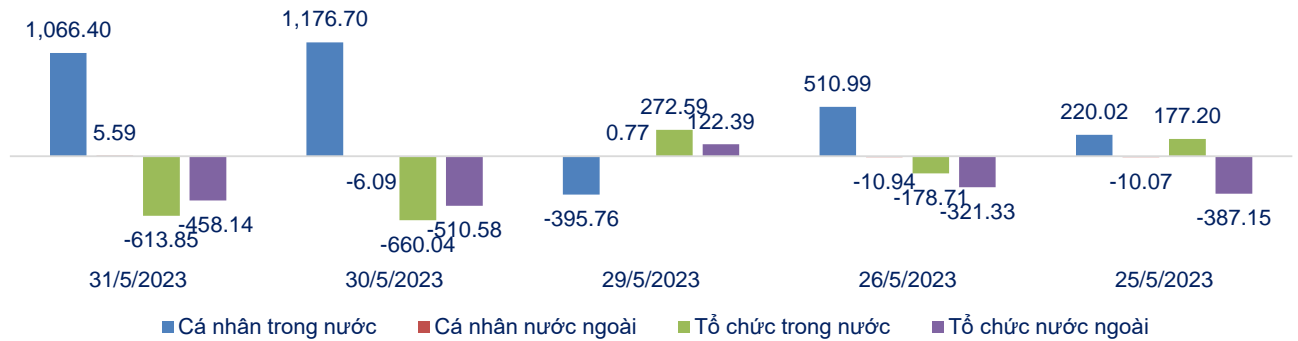
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
L14	3.31	-10.2%	(1,273)	-	3.4
APS	3.27	-44.5%	(5,589)	-	1.3
DTD	3.07	22.9%	5,480	5.8	1.2
API	2.93	8.2%	921	16.0	1.2
IPA	2.90	-5.9%	(1,066)	-	1.0



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	459.59	25.4%	4,304	5.9	1.4
NVL	87.37	1.8%	414	32.2	0.6
TCD	77.60	8.0%	1,256	6.7	0.5
EIB	64.30	14.8%	2,030	10.1	1.4
VNM	58.82	23.5%	3,881	17.1	4.0

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	-29.22	6.9%	1,035	22.6	1.5
VIC	-26.19	5.1%	1,800	29.1	1.5
PVD	-15.39	0.2%	47	508.3	0.9
MBB	-13.39	23.1%	3,961	4.7	1.0
VPI	-13.23	20.3%	3,093	17.4	3.4

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGW	3.60	23.9%	3,368	10.6	2.3
CII	1.72	1.1%	362	48.5	0.5
VND	1.08	4.1%	487	35.7	1.4
DXS	1.03	1.9%	345	21.3	0.4
NVL	1.00	1.8%	414	32.2	0.6

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPG	-2.30	3.1%	582	28.0	0.9
CTR	-2.13	29.8%	4,053	17.4	4.6
DXG	-1.34	-1.5%	(355)	-	0.7
KBC	-1.30	11.2%	2,620	10.6	1.1
EVG	-1.13	0.9%	113	58.4	0.5

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	28.70	6.9%	1,035	22.6	1.5
HCM	14.80	8.7%	1,517	18.0	1.6
VIC	14.47	5.1%	1,800	29.1	1.5
MBB	13.44	23.1%	3,961	4.7	1.0
SHB	12.64	18.7%	2,610	4.5	0.8

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	-459.59	25.4%	4,304	5.9	1.4
TCD	-77.99	8.0%	1,256	6.7	0.5
CTG	-38.30	15.9%	3,548	7.9	1.2
VGC	-16.87	13.6%	2,761	14.8	2.0
VNM	-13.76	23.5%	3,881	17.1	4.0

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	37.02	15.9%	3,548	7.9	1.2
PVD	14.02	0.2%	47	508.3	0.9
VPI	13.23	20.3%	3,093	17.4	3.4
VIC	11.80	5.1%	1,800	29.1	1.5
FCN	7.86	1.1%	249	61.4	0.7

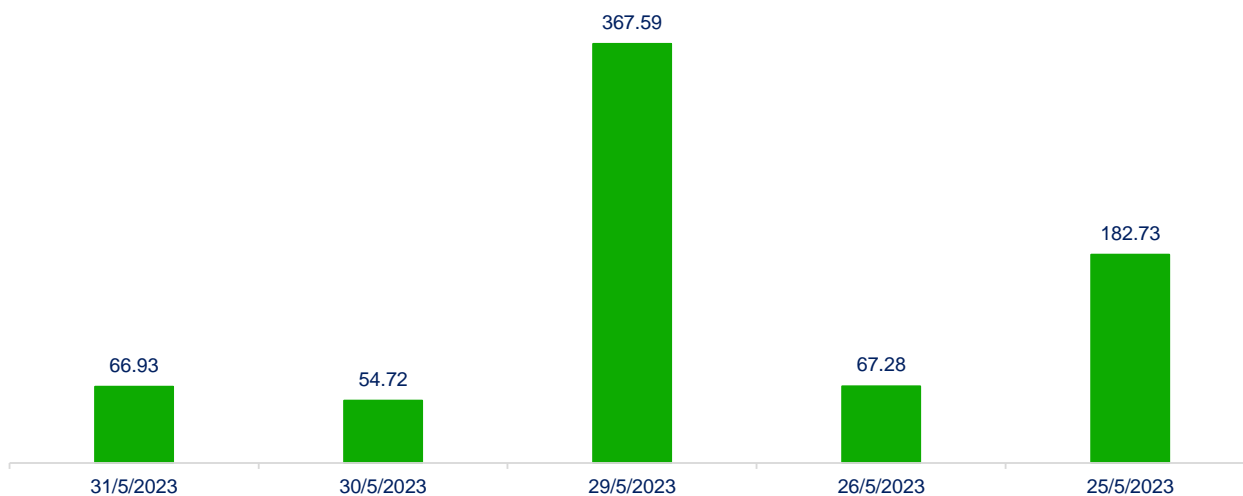
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	-78.18	1.8%	414	32.2	0.6
EIB	-71.13	14.8%	2,030	10.1	1.4
HPG	-47.41	0.7%	114	186.9	1.3
STB	-46.46	14.9%	3,006	9.2	1.3
VNM	-45.96	23.5%	3,881	17.1	4.0

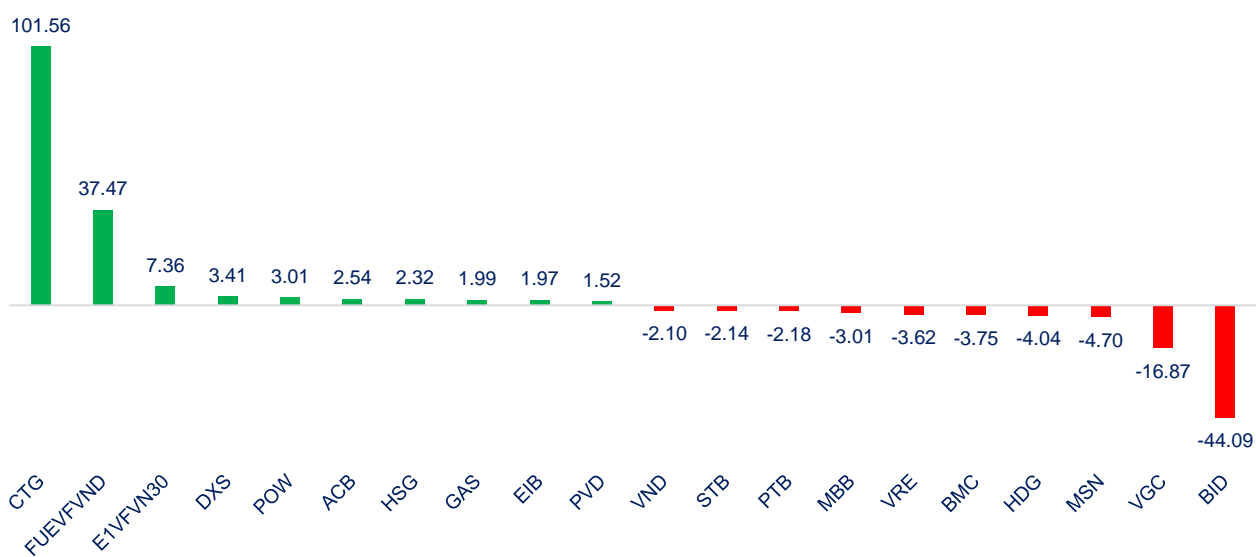


THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn